TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 86/2018/HS-ST Ngày: 04-4-2018	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/TLST - HS, ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vi Hồng T - Sinh ngày 06 tháng 5 năm 1989; Tại: Tỉnh Thanh Hoá;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông;

Chỗ ở: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Hồng L và bà: Vi Thị P; Bị cáo có vợ là Trần Thị H và có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/12/2017 đến ngày 15/01/2018 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, bị cáo tại ngoại - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Hồng T*: Bà Hoàng Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bị hại*: Trần Trung T - Sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp M, Chợ A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Dương Thị L - Sinh năm: 1989 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú tại: Đường L, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

2. Mai Xuân H - Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 15/12/2017, khi đang ở phòng trọ thì T nhận được cuộc gọi điện thoại của nhân viên ngân hàng yêu cầu trả nợ tiền vay trước đó, do không có tiền trả nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 68M1-219.39 của anh T là người ở cùng phòng trọ với T. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng lúc anh Trần Trung T ngủ, cửa phòng không khóa và phía trước có dựng chiếc xe mô tô biển số: 68M1-219.39 T vào trong phòng lấy chìa khóa xe mô tô biển số: 68M1-219.39 và lục ví của anh T lấy giấy cầm đồ cất giấu vào trong người (trước đó T biết anh T đang cầm cố Giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 68M1-219.39 và Giấy phép lái xe ở tiệm cầm đồ Nguyễn Mạnh Khang). Sau đó T bỏ ra ngoài lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô biển số: 68M1-219.39 và điều khiển xe đến tiệm cầm đồ "Nguyễn Mạnh Khang" địa chỉ: Đường L, phường E, thành phố B chuộc Giấy đăng ký xe mô tô biển số 68M1-219.39 và Giấy phép lái xe của anh T. Rồi T đi đến tiệm cầm đồ "Việt Tín", địa chỉ: Đường Y, phường E, thành phố B, hỏi cầm cố xe mô tô trộm cắp được cho anh Mai Xuân H (là chủ tiệm). Thấy xe không chính chủ và T có biểu hiện nghi vấn nên anh H không đồng ý cầm. Trong lúc T tiếp tục điều khiển xe đi tìm nơi cầm cố thì bị lực lượng Công an phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 335/KLĐG ngày 21/12/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius FI, biển số: 68M1-219.39, số khung: 1710GY106824, số máy: E3T6E159072; trị giá: 20.400.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số : 70/CT-VKS BMT ngày 02/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk đã truy tố bị cáo Vi Hồng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Vi Hồng T và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vi Hồng T theo bản cáo trạng số 70/CT-VKS BMT ngày 02/3/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60

Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Vi Hồng T từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trao trả cho anh Trần Trung T: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius FI, biển số: 68M1-219.39; 01 chìa khoá xe mô tô dài 08cm, số Y1080; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và 01 giấy phép lái xe hạng A1, nhận quản lý, sử dụng

Ý kiến của người bào chữa: Bị cáo là người có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vì không có tiền trả nợ cho ngân hàng nên bị cáo mới nhất thời phạm tội. Bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Bị cáo có nhân thân tốt, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, đã được người bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo và bị cáo là người dân tộc thiểu số nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, h, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 47; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo một mức án thấp nhất, thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Về tội danh, điều khoản,tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo Vi Hồng T là phù hợp với hành vi của bị cáo nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Điều, khoản, mức hình phạt đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Vi Hồng T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 68M1-219.39 của anh Trần Trung T, trị giá 20.400.000 đồng là phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

[2] Xét thấy, bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do tham lam tư lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi trả cho người bị hại, bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng. Nên đối với bị cáo không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác giáo dục bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra anh Trần Trung T đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 68M1-219.39 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã trao trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 68M1-219.39 cho anh Trần Trung T chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng, anh T không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy lời khai của bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vi Hồng T phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Vi Hồng T: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vi Hồng T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- THA phạt tù(để thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh ĐăkLăk;
- Nhà tạm giữ Công an TP.BMT;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My